

3'	3. Cũng cố, dặn dò :	<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét, xếp loại kết quả thực hành theo 2 mức: Hoàn thành, chưa hoàn thành.* Nhận xét giờ học.- Hướng dẫn chuẩn bị tiết sau.	
----	-----------------------------	---	--

TOÁN
Tiết 14: Dãy số tự nhiên

I. MỤC TIÊU:

Sau bài học , học sinh có khả năng :

1. Kiến thức:

- HS nắm được số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.

2. Kỹ năng:

- HS nêu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS tính chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

1. Giáo viên: - Phiếu học tập. Bảng phụ.

2. Học sinh: - SGK, vở nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

A. Ổn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	HD của GV	HD của HS
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	- Gọi HS lên bảng làm BT tiết trước. - Nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng giải bài 2-3 VBT - Lớp nhận xét, bổ sung.
14'	2. Bài mới:		
1'	<i>a. Giới thiệu bài :</i>	- GV nêu mục đích, y/c tiết học.	
13'	<i>b. Giới thiệu số tự nhiên và dãy số tự nhiên:</i>	* Cho HS kể một vài số đã học -> GV ghi bảng. - Gọi HS đọc các số vừa kể. -> GV nói: Các số: 0; 1; 2; 3.....100;...1000...là các số tự nhiên. - Cho HS kể tiếp các số khác. - Cho HS viết các số trên theo TT từ bé đến lớn (từ số 0). - H: Dãy số trên là dãy số gì: Được sắp xếp theo TT nào? -> Các số TN ... từ bé đến lớn (bắt đầu từ số 0) là dãy số TN. - Cho HS nhận xét đâu là dãy số TN và đâu không phải dãy số TN: + 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10... + 0, 1, 2, 4, 5, 6,... + 0, 5, 10, 15, 20, 25... + 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10... - GV giới thiệu và cho HS quan sát tia số.	* 3 HS kể. - HS đọc số. - HS kể tiếp. - 2 HS viết bảng. - Là dãy số tự nhiên, được sắp xếp theo TT từ bé đến lớn. - HS nhận xét và giải thích lý do. + Không phải là dãy số TN. + Không là dãy số TN. + Không là dãy số TN. + Là dãy số TN.

<p>18'</p> <p>2. Luyện tập:</p> <p>5' a. Bài 1, Viết số TN liên sau...</p> <p>5' b. Bài 2: Viết số TN liên trước...</p> <p>5' c. Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm...</p>	<p>HDHS nhận xét đặc điểm của tia số.</p> <p>+ Thêm 1 vào 1 ta được số nào? Số này đứng ở vị trí nào trong dãy số TN?</p> <p>-> Dãy số TN không có số lớn nhất.</p> <p>+ Hỏi tương tự với các trường hợp bớt 1.</p> <p>+ Có bớt 1 được ở số 0 không?</p> <p>-> 0 là số TN nhỏ nhất.</p> <p>+ Hai số TN liền nhau có mối quan hệ ntn?</p> <p>* Gọi HS nêu y/c BT.</p> <p>- Cho HS tự làm bài.</p> <p>- GV treo bảng phụ, gọi HS lên điền KQ.</p> <p>- Nhận xét, chốt KQ đúng.</p> <p>-> Muốn tìm số liền sau của một số ta làm thế nào?</p> <p>* GV thực hiện tương tự BT 1.</p> <p>* Gọi HS nêu y/c BT.</p> <p>- H: Hai số TN liền nhau hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV gắn 3 phiếu BT lên bảng, gọi HS 3 tổ lên điền số.</p> <p>- HD nhận xét, chữa bài.</p> <p>- GV chốt KQ đúng.</p> <p>a/ 4, 5, 6.</p>	<p>- HS quan sát và nêu đặc điểm của tia số.</p> <p>- Thêm 1 vào 1 được số 2 là số liền sau của số 1</p> <p>- HSTL.</p> <p>+ Không.</p> <p>+ Hơn kém nhau 1 đv.</p> <p>* 1 HS nêu.</p> <p>- Làm bài vào vở.</p> <p>- HS nối tiếp nhau lên điền KQ.</p> <p>- Nhận xét, bổ sung.</p> <p>-> 1 HS trả lời.</p> <p>* HS thực hiện như BT 1.</p> <p>* 1 HS nêu .</p> <p>- HSTL.</p> <p>- HS làm bài vào vở.</p> <p>- HS 3 tổ tiếp nối nhau lên điền số.</p>
--	---	--

		b/ 86, 87, 88. c/ 896, 897, 898. d/ 9, 10, 11. - Cho HS đổi vở kiểm tra.	- Cả lớp nhận xét, sửa chữa.
3'	<i>d. Bài 4 a. Viết số thích hợp vào chỗ chấm</i>	* Yêu cầu HS tự làm bài vào vở. 1 HS làm bảng lớp. - Chữa bài (Y/c HS giải thích cách làm) - GV đánh giá, chốt KQ đúng.	- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra. * HS tự làm bài 4a vào vở. 1 HS làm bảng lớp.
3'	3 .Củng cố, dặn dò:	* Gọi HS nhắc lại đặc điểm của dãy số tự nhiên. - GV nhận xét giờ học. - Dặn dò HS về nhà Cb tiết học sau .	- Chữa bài . <i>a/ 909; 910; 911; 912; 913 914;...</i> * 1, 2 HS nhắc lại. - Lắng nghe.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU - ĐOÀN KẾT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS biết thêm một số từ ngữ (thành ngữ, tục ngữ) về chủ điểm: Nhân hậu- Đoàn kết.

2. Kỹ năng:

- HS biết cách mở rộng vốn từ theo chủ điểm.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS tính nhân hậu, đoàn kết, biết yêu thương, giúp đỡ mọi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

1. Giáo viên: - Phiếu khổ to, bảng phụ.

2. Học sinh: - SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

A. Ổn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	- Từ dùng để làm gì ? - Tiếng dùng để làm gì? -> Nhận xét, đánh giá.	- 2 HS trả lời. - Lớp nhận xét, bổ sung.
32' 1'	2. Bài mới: <i>a. Giới thiệu bài :</i> <i>b. HD làm bài tập:</i>	- GV nêu mục đích, y/c tiết học.	- Nghe.
7'	* Bài 1: <i>Tìm từ chứa tiếng “hiền” chứa tiếng “ác”?</i>	* Gọi HS nêu y/c BT. - Cho HS thảo luận cặp, hoàn thành nội dung trong bảng	* 1 HS nêu y/c BT. - Thảo luận cặp.

	.	(SGK) - GV treo bảng phụ, gọi HS lên điền KQ. - HD nhận xét, bổ sung. (GV cung HS giải nghĩa một số từ) - GV kết luận.	- HS tiếp nối nhau lên điền từ. - Nhận xét, bổ sung. <i>a, Hiền hậu, hiền đức, hiền tài, hiền dụ,...</i> <i>b, Hung ác, ác nghiệt, ác ôn, ác báo, ác mộng, ác quỷ, ác liệt, ác khẩu...</i>
8'	* Bài 2:	* Gọi HS nêu y/c BT. - Phát phiếu cho các nhóm làm bài. Nhóm nào xong trước lên gắn phiếu. - GV cùng HS nhận xét, sửa chữa. - GV chốt lời giải đúng.	* 1 HS nêu y/c BT. - HS thảo luận, hoàn thành BT trong phiếu. - Gắn phiếu lên bảng. - Nhận xét, bổ sung.
6'	* Bài 3: - Điền vào câu thành ngữ, tục ngữ.	* Gọi HS nêu y/c BT. - Gọi ý làm bài. - Yêu cầu HS làm bài vào vở. - Gọi HS nêu KQ. - Nhận xét, chốt câu đúng.	* 1HS nêu y/c BT. - HS làm bài vào vở. - HS nêu KQ. - Nhận xét, bổ sung. <i>a, Hiền như bụt (đất).</i> <i>b, Lành như đất (Bụt).</i> <i>d, Thương nhau như chị em gái.</i>
10'	* Bài 4: - Tập giải nghĩa một số câu thành ngữ, tục ngữ.	* Gọi HS nêu y/c và nội dung BT. - Cho HS thảo luận với bạn về ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ. (GV nhắc HS nêu cả nghĩa đen và nghĩa	* 1HS nêu y/c BT. - HS nối tiếp đọc các câu tục ngữ, thành ngữ. - HS thảo luận cặp. - Vài HS nêu ý kiến. - nhận xét, bổ sung.

3'	3. Củng cố, dặn dò:	<p>bóng).</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nêu ý kiến.- HD nhận xét, chốt lời giải đúng.-> Gọi HS nêu tình huống sử dụng các câu tục ngữ, thành ngữ trên. <p>* GV nhận xét giờ học; - Dặn dò HS.</p>	
----	----------------------------	---	--

KHOA HỌC
VAI TRÒ CỦA VI – TA – MIN,
CHẤT KHOÁNG VÀ CHẤT XƠ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS kể tên và nêu vai trò các thức ăn chứa nhiều vitamin, chất khoáng và chất xơ.
- Xác định được nguồn gốc của nhóm thức ăn chứa nhiều vitamin, chất khoáng và chất xơ.

2. Kỹ năng:

- HS phân biệt được các loại thức ăn có chứa vitamin, chất khoáng, chất xơ.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS có ý thức trong việc lựa chọn thức ăn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

1. Giáo viên: - Hình 14, 15 (SGK). Phiếu học tập nhóm.

2. Học sinh: - SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

A. Ổn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4'	1. Kiểm tra bài	- Nêu vai trò của chất	- Hai học sinh trả lời.

	cũ:	đạm và chất béo đối với cơ thể? - Nhận xét, đánh giá.	- Nhận xét và bổ sung.
32' 1'	2. Bài mới: <i>a. Giới thiệu bài :</i> <i>b. Các hoạt động:</i>	* GV nêu mục đích, y/c tiết học.	* Nghe.
15'	* <i>Hoạt động 1:</i> - <i>Trò chơi thi kể tên các thức ăn chứa nhiều vitamin, chất khoáng và chất xơ.</i>	* Chia nhóm và hướng dẫn học sinh làm bài. - Gọi các nhóm lên trình bày. - Nhận xét, kết luận .	* HS chia nhóm thảo luận, ghi kết quả vào phiếu. - Đại diện các nhóm gắn phiếu và trình bày KQ. - Nhận xét và so sánh kết quả của các nhóm.
16'	* <i>Hoạt động 2:</i> - <i>Thảo luận về vai trò của vitamin, chất khoáng, chất xơ và nước.</i>	* Cho HS kể tên nêu vai trò một số vitamin em biết ? - Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa vitamin? - Nêu một số bệnh do thiếu VTM? -> GV nhận xét, kết luận và giải thích thêm - Gọi HS kể tên và nêu vai trò của một số chất khoáng mà em biết ? - Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa chất khoáng đối với cơ thể ? -> GV nhận xét, kết luận. - Tại sao chúng ta phải ăn thức ăn có chứa chất xơ ? - Chúng ta cần uống bao	* HS nối tiếp nhau kể. - Vitamin rất cần cho hoạt động sống của cơ thể, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh. - Thiếu vitamin A bị bệnh khô mắt, quáng gà. Thiếu vitamin D sẽ bị bệnh còi xương ở trẻ. - HS nối tiếp kể. - Sắt, can xi tham gia vào việc xây dựng cơ thể. Nếu thiếu các chất khoáng cơ thể sẽ bị bệnh. - Chất xơ cần thiết để bộ máy tiêu hoá hoạt động qua việc tạo phân giúp cơ thể thải chất cặn bã. - Cần uống khoảng 2 lít

3'	3. Củng cố, dặn dò:	<p>nhiều lít nước? Tại sao cần uống đủ nước ?</p> <p>-> GV nhận xét và kết luận.</p> <p>* Gọi HS nhắc lại vai trò của vitamin, chất khoáng và chất xơ đối với cơ thể?</p> <p>- Nhận xét giờ học. - Dặn dò HS.</p>	<p>nước. Vì nước chiếm 2/3 trọng lượng cơ thể và giúp thải các chất thừa, độc hại ra ngoài.</p> <p>* 1, 2 HS nêu.</p> <p>- Nghe.</p>
----	----------------------------	--	--

TOÁN

Tiết 15: VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN

I. MỤC TIÊU :

Sau bài học , học sinh có khả năng :

1. Kiến thức:

- HS biết được đặc điểm hệ TP ở mức độ đơn giản.
- Sử dụng 10 chữ số để viết số trong hệ TP.

2. Kỹ năng:

- HS nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.

3. Thái độ:

- Giáo dục tính chính xác, khoa học và lòng say mê học toán .

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

1. Giáo viên: - Bảng phụ.

2. Học sinh: - SGK, vở nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:
